

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 441/2025/DS-ST
Ngày: 29/8/2025
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phúc Duy Khang

2/ Ông Phạm Bá Chương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 581/2025/TLST- DS ngày 14 tháng 3 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1267/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Trụ sở: Số B đường N, phường X (trước đây là phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T - sinh năm 1973

Địa chỉ liên lạc: Số B đường N, phường X (trước đây là phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

(có đơn yêu cầu vắng mặt)

(Văn bản ủy quyền số 8851/2024/UQ-TGD ngày 04/12/2024 của Công ty TNHH một thành viên Quản lý và Khai thác tài sản Ngân hàng S và giấy ủy

quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12/10/2022 của Ngân hàng Thương mại cổ phần S)

2/ Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc T1 - sinh năm 1985

Thường trú: Căn hộ 17.29 Khối B, chung cư H, đường G, Khu phố I, phường H (trước đây là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: Căn hộ 12.29 Khối B, chung cư H, đường G, Khu phố I, phường H (trước đây là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2024 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng:

Ngày 05/11/2021, ông T1 có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (sau đây viết tắt là ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T1, ngân hàng đã đồng ý cấp 02 thẻ tín dụng gồm thẻ VS Cre Platinum Tiki số tài khoản thẻ xxxxxxxxxx và thẻ VTD SacombankPay số tài khoản thẻ yyyyyyyyyy với hạn mức sử dụng chung là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất áp dụng đối với số tài khoản thẻ xxxxxxxxxx là 2,6%/tháng, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Đối với số tài khoản thẻ yyyyyyyyyy mức lãi suất áp dụng là 1,55%/tháng, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, đối với thẻ VS Cre Platinum Tiki số tài khoản thẻ xxxxxxxxxx ông T1 đã thực hiện các giao dịch từ ngày 10/11/2021 đến ngày 10/12/2021 với tổng số tiền là 10.301.000 đồng và chỉ thanh toán cho ngân hàng từ ngày 10/12/2021 đến ngày 10/02/2023 số tiền là 7.721.401 đồng (bao gồm cả vốn gốc, lãi, phí ...). Đối với thẻ VTD SacombankPay số tài khoản thẻ yyyyyyyyyy thì ông T1 đã thực hiện các giao dịch trong kỳ sao kê ngày 25/10/2022 với tổng số tiền là 10.000.000 đồng và chỉ thanh toán cho ngân hàng trong kỳ sao kê ngày 25/10/2022 số tiền là 72.000 đồng (bao gồm cả vốn gốc, lãi, phí ...). Sau đó ngưng không thanh toán cho đến nay. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T1 không trả nợ. Do ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/3/2023 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến thời điểm ngày 29/8/2025 thì ông T1 còn nợ số tiền đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 05/11/2021, số tài khoản thẻ xxxxxxxxxx với số tiền 20.595.322 đồng, trong đó

đư nợ gốc là 9.473.974 đồng và lãi quá hạn là 11.121.348 đồng và số tài khoản thẻ yyyyyyyyyy với số tiền 18.548.812 đồng, trong đó dư nợ gốc là 10.848.000 đồng và lãi quá hạn là 7.700.812 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông T1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ nêu trên. Ông T1 còn có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Số tiền Ngân hàng cho vay là chỉ cho cá nhân ông T1 vay nên nay ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân ông T1 trả nợ.

Ngày 18/6/2025, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Ông Huỳnh Ngọc T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, ông T1 xác định nơi đăng ký thường trú: Căn hộ 17.29 Khối B, chung cư H, đường G, Khu phố I, phường H (trước đây là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh tại Công an phường H thì ông T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên và hiện đang cư trú tại căn hộ A Khối B, chung cư H, đường G, Khu phố I, phường H (trước đây là phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điểm a khoản

1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Ngân hàng thương mại cổ phần S có đơn yêu cầu vắng mặt, ông Huỳnh Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ngày 05/11/2021 ông T1 đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm bản điều khoản và điều kiện cấp thẻ) và Ngân hàng đã cấp cho ông T1 02 thẻ tín dụng gồm thẻ VS Cre Platinum Tiki số tài khoản thẻ xxxxxxxxxx và thẻ VTD SacombankPay số tài khoản thẻ yyyyyyyyyy với hạn mức sử dụng chung là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, mức lãi suất áp dụng đối với số tài khoản thẻ xxxxxxxxxx là 2,6%/tháng. Đối với số tài khoản thẻ yyyyyyyyyy mức lãi suất áp dụng là 1,55%/tháng.

Xét thấy hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (trương ứng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024) và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, đối với thẻ VS Cre Platinum Tiki số tài khoản thẻ xxxxxxxxxx ông T1 đã thực hiện các giao dịch từ ngày 10/11/2021 đến ngày 10/12/2021 với tổng số tiền là 10.301.000 đồng và chỉ thanh toán cho ngân hàng từ ngày 10/12/2021 đến ngày 10/02/2023 số tiền là 7.721.401 đồng (bao gồm cả vốn gốc, lãi, phí ...). Đối với thẻ VTD SacombankPay số tài khoản thẻ yyyyyyyyyy thì ông T1 đã thực hiện các giao dịch trong kỳ sao kê ngày 25/10/2022 với tổng số tiền là 10.000.000 đồng và chỉ thanh toán cho ngân hàng trong kỳ sao kê ngày 25/10/2022 số tiền là 72.000 đồng (bao gồm cả vốn gốc, lãi, phí ...). Sau đó ngưng không thanh toán cho đến nay. Tính đến thời điểm ngày

29/8/2025 thì ông T1 còn nợ số tiền đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký ngày 05/11/2021, số tài khoản thẻ xxxxxxxxxx với số tiền 20.595.322 đồng, trong đó dư nợ gốc là 9.473.974 đồng và lãi quá hạn là 11.121.348 đồng và số tài khoản thẻ yyyyyyyyyy với số tiền 18.548.812 đồng, trong đó dư nợ gốc là 10.848.000 đồng và lãi quá hạn là 7.700.812 đồng.

Do ông T1 đã vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng, không trả nợ đúng hạn nên nay Ngân hàng yêu cầu ông T1 thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 là 39.144.134 đồng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, ông T1 còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.957.207 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 (tương ứng Điều 100, Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024);

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân

dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S:

Buộc ông Huỳnh Ngọc T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền còn nợ tính đến hết ngày 29/8/2025 của hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 05/11/2021 là 39.144.134 (ba mươi chín triệu một trăm bốn mươi bốn ngàn một trăm ba mươi bốn) đồng, cụ thể:

- Thẻ VS Cre Platinum Tiki số tài khoản thẻ xxxxxxxxxx với số tiền 20.595.322 (hai mươi triệu năm trăm chín mươi lăm ngàn ba trăm hai mươi hai) đồng, trong đó dư nợ gốc là 9.473.974 (chín triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn chín trăm bảy mươi bốn) đồng và lãi quá hạn là 11.121.348 (mười một triệu một trăm hai mươi một ngàn ba trăm bốn mươi tám) đồng.

- Thẻ VTD SacombankPay số tài khoản thẻ yyyyyyyyyy với số tiền 18.548.812 (mười tám triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn tám trăm mười hai) đồng, trong đó dư nợ gốc là 10.848.000 (mười triệu tám trăm bốn mươi tám ngàn) đồng và lãi quá hạn là 7.700.812 (bảy triệu bảy trăm ngàn tám trăm mười hai) đồng.

Kể từ ngày 30/8/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Huỳnh Ngọc T1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cấp thẻ tín dụng đã ký nêu trên.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Ngọc T1 phải nộp 1.957.207 (một triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn hai trăm lẻ bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 837.794 (tám trăm ba mươi bảy ngàn bảy trăm chín mươi bốn) đồng Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0083720 ngày 12/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định

tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 2 - TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thủy